

THÔNG TIN KHOA HỌC

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 MINH CHỨNG CHÓI LỢI CHO TƯ TƯỞNG DÙNG BẠO LỰC CÁCH MẠNG CHỐNG LẠI BẠO LỰC PHẢN CÁCH MẠNG TRONG TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ HỒ CHÍ MINH

Đại úy Từ Văn Hòa

Giảng viên, Khoa GDQP

Cuộc tiến công và nổi dậy Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân ta, thống nhất hoàn toàn đất nước. Chỉ trong 55 ngày đêm, với tốc độ tiến công “một ngày bằng 20 năm” với sức mạnh áp đảo cả về quân sự và chính trị được tích lũy từ nhiều năm, quân và dân ta đã giành toàn thắng bằng bốn chiến dịch lớn: Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, đập tan hơn một triệu quân nguy và tất cả bộ máy nguy quyền, chế độ thực dân kiểu mới mà đế quốc Mỹ dốc sức thực hiện ở miền Nam Việt Nam trong hai chục năm bị sụp đổ hoàn toàn. Đại thắng mùa Xuân 1975 đã được khắc ghi vào lịch sử bằng những chữ vàng chói lọi, là chiến công vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, là kết quả của sự vận dụng sáng tạo nghệ thuật quân sự thế giới và kế thừa truyền thống dựng nước và giữ nước của lịch sử dân tộc, là một minh chứng chói lọi cho tính đúng đắn của tư tưởng dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng trong tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh.

Tư tưởng bạo lực cách mạng theo quan điểm Mác-Lênin là một nội dung cơ bản của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh. Dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng và tư tưởng về bạo lực cách mạng thống nhất biện chứng với tư tưởng nhân văn và hoà bình, nó hoàn toàn xa lạ với các xu hướng phiêu lưu, manh động và khủng bố cá nhân, đó là bạo lực của quần chúng nhân dân, sức mạnh của một dân tộc bị bóc lột, xâm lược chống lại chế độ thực dân đè nén áp bức, chống lại sự xâm lược, là bạo lực của cuộc chiến tranh chính nghĩa. Chủ nghĩa thực dân, tự bản thân nó đã là hành động bạo lực, từ đó Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình và “trong cuộc chiến tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc, cần dùng bạo lực ách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”(1). Năm 1972 Hiệp định Paris về Việt Nam đã được ký kết, theo hiệp định, đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là

độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, cam kết tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, chấm dứt dính líu quân sự và can thiệp vào nội bộ miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên trên thực tế, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai luôn ra sức phá hoại Hiệp định Paris một cách có hệ thống và có kế hoạch khi buộc phải ký Hiệp định Paris về Việt Nam nhưng đế quốc Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ những chính sách cơ bản của chúng ở Việt Nam, tiếp tục thực hiện “Học thuyết Ních xơn”, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta. Để thực hiện ý đồ đó, ngay từ đầu, Mỹ đã giúp ngụy quyền Sài Gòn tiếp tục chiến tranh bằng cách viện trợ quân sự và kinh tế, trước khi rút quân, Mỹ đã đưa vào miền Nam Việt Nam gần 700 loại máy bay các loại, 500 khẩu pháo, 400 xe tăng, xe bọc thép và rất nhiều tàu chiến, tăng dự trữ vật tư chiến tranh của quân ngụy lên gần 2 triệu tấn, được đà giúp đỡ của quan thầy Mỹ, chính quyền Thiệu - Kỳ hò hét “tràn ngập lãnh thổ”, tập trung lực lượng thực hiện các kế hoạch bình định, kế hoạch quân sự, kế hoạch xây dựng quân đội... nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang và tổ chức cách mạng của ta ở miền Nam, chúng đã khẩn trương củng cố và tăng cường xây dựng quân ngụy, đến cuối năm 1973, tổng quân số đã là 710.000 tên, đồng thời đưa lực lượng phòng vệ dân sự từ 1.100.000 tên, năm 1972 lên đến 1.500.000, tăng cường phát triển không quân, nhất là không quân chiến thuật và máy bay lên thẳng, tăng thêm xe tăng, xe bọc thép. Trên cơ sở tăng cường lực lượng, trong vòng 11 tháng cuối năm 1973, địch đã sử dụng 60% quân số, mở thêm 360.000 cuộc hành quân lấn chiếm, giải tỏa và hành quân an ninh, tập trung lực lượng lớn tiến công có trọng điểm vào các khu vực giải phóng của ta như Sa Huỳnh, Công Tum, Quảng Đức, Chư Nghệ, Mỹ Tho, Tri Tân ... lấn chiếm hầu hết các vùng ta mới giải phóng. Ngoài ra Mỹ tiếp tục duy trì một “lực lượng răn đe” ở Đông Nam á, gồm Không quân, Hải quân của hạm đội 7 và các căn cứ ở Thái Lan, đồng thời tăng cường hoạt động ngoại giao nhằm hạn chế khả năng tiến công lớn của ta. Những hành động, âm mưu nham hiểm của đế quốc Mỹ và tay sai bộc lộ rõ bản chất ngoan cố, điên cuồng, phản động và hiếu chiến của chúng, nhằm sử dụng bạo lực để ngăn chặn, dè bẹp ý chí chiến đấu của quân và dân ta, thực hiện ý đồ chia cắt lâu dài Việt Nam. Điều này đã được tư tưởng Hồ Chí Minh vạch rõ, kẻ thù không bao giờ tự nhường quyền lợi của chúng, do vậy các dân tộc bị xâm lược chỉ có thể giành lại độc lập tự do, quyền tự quyết của mình bằng cuộc đấu tranh của cả dân tộc, dùng sức mạnh bạo lực của toàn thể dân tộc đập tan âm mưu thủ đoạn của chúng, buộc chúng phải từ bỏ mọi hành động âm mưu chia cắt nước ta, chứ không thể cầu xin chúng là có được. Thực hiện tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trước thực trạng kẻ thù trắng trợn vi phạm Hiệp định, Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng họp (tháng 10 năm 1973) đã chỉ rõ: *“Con đường cách mạng của miền Nam là con đường bạo*

lực cách mạng”, tháng 3 năm 1974, Quân uỷ Trung ương họp cũng xác định: “*Cách mạng Việt Nam có thể phải trải qua nhiều bước quá độ và chỉ có thể giành được thắng lợi bằng con đường bạo lực cách mạng*” khẳng định rõ: trong khi địch không thi hành Hiệp định, tiếp tục chiến tranh hòng chiếm lấy cả miền Nam thì ta không còn con đường nào khác là phải tiến hành chiến tranh cách mạng tiêu diệt chúng, giải phóng miền Nam.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, cách mạng bạo lực bao giờ cũng phải dựa vào hai lực lượng: chính trị của toàn dân và vũ trang nhân dân, trong đó lực lượng chính trị là cơ sở để xây dựng lực lượng vũ trang. Trong nghị quyết 21 (10/ 1973) của Trung ương Đảng đã đề ra phương châm kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự với ngoại giao, cụ thể hoá tinh thần đó, nghị quyết Quân uỷ Trung ương (3/ 1974) xác định: “Tiến hành khởi nghĩa dựa vào lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, trong trường hợp chiến tranh lớn trở lại thì tiến hành chiến tranh cách mạng để giành thắng lợi hoàn toàn”. Tư tưởng bạo lực cách mạng tiếp tục được Bộ Chính trị nhấn mạnh trong Hội nghị (1/ 1975) “Đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị, kết hợp đấu tranh ngoại giao (...) tiến hành Tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan ra nguy quân, đánh đổ nguy quyền...” Thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị, từ tháng 10 năm 1973, các quân đoàn được thành lập, huấn luyện phương án tác chiến hiệp đồng quân binh chủng, tạo những “Quả đấm thép” quyết định trên chiến trường, tăng cường trang bị cho quân đội tốt và hiện đại hơn, các loại xe tăng thiết giáp, tên lửa, pháo tầm xa, pháo cao xạ được lần lượt chuyển tới các chiến trường, hàng nghìn xe máy các loại, hàng chục nghìn bộ đội, công nhân, dân công ngày đêm vượt qua mọi khó khăn gian khổ phá núi san đèo, đắp đường, bảo đảm vận chuyển liên tục cho miền Nam, hàng chục nghìn thanh niên nô nức gia nhập quân đội lên đường vào Nam chiến đấu, nhân dân miền Nam khắp mọi nơi kiên quyết chiến đấu đẩy lùi sự lấn chiếm của địch, làm cho địch bị động, gặp khó khăn ở cả vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng và nông thôn, đô thị. Cục diện chiến trường đã thay đổi rõ ràng theo chiều hướng có lợi cho ta, sức mạnh của cả nước đã được động viên, ta ngày càng mạnh lên và luôn giữ được thế chủ động, địch ngày càng bị động và yếu đi, thời cơ để toàn quân và toàn dân đứng lên dùng sức mạnh của mình đập tan bộ máy nguy quyền thối nát, tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước đã chín muồi, đây chính là lúc mà toàn Đảng, toàn dân có đầy đủ mọi điều kiện thuận lợi để thực hiện lời di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào, tiến lên chiến sĩ đồng bào, Bắc Nam sum họp Xuân nào vui hơn”.

Với sức mạnh của cả nước, của cả dân tộc Việt Nam, từ tháng 3 năm 1975, ta đã mở chiến dịch Tây Nguyên giải phóng toàn bộ cao nguyên, tiêu diệt, làm tan rã Quân khu 2 và Quân đoàn 2 nguy, tạo thế đánh địch ở Huế - Đà Nẵng, làm tan rã Quân đoàn 1 nguy, đập tan ý đồ co cụm chiến lược của địch. Cùng với những cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân ta có tính chất dây chuyền đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của ta là Chiến dịch Hồ Chí Minh, đi tới thắng lợi hoàn toàn, đập tan toàn bộ nguy quân, nguy quyền từ trung ương tới cơ sở, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn thâm độc và xảo quyệt của đế quốc Mỹ nhằm chia cắt lâu dài nước ta, kết thúc cuộc kháng chiến trường kỳ hơn 20 năm của cả dân tộc.

Thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn của Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là một thắng lợi vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, là bước ngoặt lịch sử, mở ra một thời kỳ mới, một kỷ nguyên mới tươi đẹp, cả nước cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời, đó cũng là một minh chứng chói lọi cho sự đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh di sản tinh thần vô cùng quý báu của toàn Đảng và toàn dân ta, tư tưởng đó đã soi đường thắng lợi cho cách mạng Việt Nam trong thời gian qua và đến nay vẫn còn nguyên giá trị trong thời kỳ mới: thời kỳ cả nước vững bước đi lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

T.V.H.

Tài liệu tham khảo

1: Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, tr. 96.